TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 88/2021/HS-ST
Ny 21 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm
Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ny 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2021/TLST- HS Ny 10 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST-HS Ny 23 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐ-HPT Ny 08/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn N, sinh Ny 19 tháng 10 năm 1991 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn 2 xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn M , sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T , sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ Nguyễn Thị Y , sinh năm 1994; Có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ Ny 31/8/2021 đến Ny 08/9/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

2. Đỗ Văn H, sinh Ny 25 tháng 9 năm 1994 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn 6 xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá

(học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn H , sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị M , sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ Ny 31/8/2021 đến Ny 08/9/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: 1. Anh Phạm Văn D - sinh năm 1998. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Đồng Cốc xã X , huyện T, tỉnh T.

2. Anh Phạm Văn T - sinh năm 1994. Vắng mặt

Trú tại: Thôn P 2 xã Thọ Lập, huyện T, tỉnh T

3. Anh Lê Văn H , sinh năm 1990. Vắng mặt

Trú tại: Thôn B xã X , huyện T, tỉnh T.

4. Chị Lữ Thị Huyền T , sinh năm 1994. Vắng mặt

Trú tại: Bản B xã T , huyện Q , tỉnh T.

5. Chị Đặng Thị T , sinh năm 1991. Vắng mặt

Trú tại: Thôn C xã Đ , huyện N , tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h Ny 31/8/2021 Lê Văn H , Phạm Văn D và Phạm Văn T cùng rủ nhau đến quán Cà Phê Ven Đô với mục đích để mua dâm. Khi vào quán H gặp H và hỏi mua dâm nhân viên nữ của quán. H bảo có hai nhân viên và mỗi lần bán dâm giá 300.000đ. H đồng ý và lấy tiền đưa cho H 700.000đ để cho D và T vào mua dâm, số tiền còn lại để trả tiền nước.

H nhận tiền và dẫn D vào phòng nghỉ số 01 mua dâm với Lữ Thị Huyền T và dẫn T vào phòng nghỉ số 02 để mua dâm với Đặng Thị T . H đi ra ngoài ngồi uống nước. Khoảng 13h 30 phút cùng Ny khi cả hai đôi nam nữ đang quan hệ tình dục thì bị Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện T phát hiện bắt quả tang và lập Biên bản phạm tội quả tang đối với các đối tượng. Thu giữ tại phòng nghỉ 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Vip đã bị xé rách và 02 bao cao su đã qua sử dụng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp quán Cà fe Ven Đô cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn H và 06 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa qua sử dụng;

Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đỗ Văn H và Đỗ Văn N. Đỗ Văn H đã tự nguyện giao nộp số tiền 700.000đ. Thu giữ của Đỗ Văn N 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A53, bên trong gắn thẻ sim số 0763.113.859 và 01 điện thoại nhãn hiệu Itel, bên trong gắn thẻ sim số 0989.238.361.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với số tiền thu giữ. Tại Kết luận giám định số 1935/PC09 Ny 20/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: Toàn bộ số tiền giám định là tiền thật.

Quá trình điều tra xác định vào Ny 01/8/2021 Đỗ Văn N thuê lại quán Ca fe Ven Đô của Vũ Văn B ở khu 3 thị trấn Th để kinh doanh dịch vụ Ca fe giải khát. Do tình hình dịch bệnh không có khách nên N bàn với Đỗ Văn H tìm nhân viên nữ đến để hoạt động mại dâm thu lời. Đến cuối tháng 8/2021 có Lữ Thị Huyền T , sinh năm 1994 trú tại bản B xã T , huyện Q , tỉnh T và Đặng Thị T , sinh năm 1991; Trú tại: Thôn C xã Đ , huyện N , tỉnh K đến xin việc làm nhân viên bán Cà phê. N thỏa thuận giao trách nhiệm cho H đứng ra giao dịch, sắp xếp phòng cho khách đến mua dâm với T và T thu tiền của khách mua dâm với giá 300.000đ/lượt. Số tiền này H đưa lại cho N. N giữ lại 150.000đ còn người bán dâm hưởng 150.000đ mỗi lần bán dâm. Hàng tháng N trả cho H 10.000.000đ tiền công, có nhiều sẽ trả thêm.

Vật chứng của vụ án gồm: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 700.000đ; 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su nhãn hiệu Vip đã qua sử dụng; 06 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa qua sử dụng đang được quản lý tại chi cục thi hành án dân sự Thọ Xuân. Đối với 02 điện thoại thu giữ của N không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho N; Trả lại cho Đỗ Văn H 01 căn cước công dân.

Cáo trạng số 91/VKS -HS Ny 08/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn N và Đỗ Văn H về tội : "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn N và Đỗ Văn H phạm tội: "Chứa mại dâm". Đề nghị áp dụng khoản 1; 5 điều 327; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn N từ 24(Hai mươi tư)đến 27(Hai mươi bảy)tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ

48(Bốn mươi tám) đến 54(Năm mươi tư) tháng tính từ Ny tuyên án sơ thẩm; Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn H từ 20(Hai mươi) đến 24(Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40(Bốn mươi) đến 48(bốn mươi tám) tháng tính từ Ny tuyên án sơ thẩm; Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy tang vật của vụ án theo quy định pháp luật; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 600.000đ; Trả lại cho bị cáo số tiền 100.000đ; Đề nghị phạt bổ sung đối với các Bị cáo, mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ; Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng 13h 30 phút Ny 31/8/2021 các bị cáo Đỗ Văn N và Đỗ Văn H đã có hành vi đồng ý cho gái bán dâm tại quán Ca fe do Đỗ Văn N quản lý. Hành vi của các bị cáo N và H đủ yếu tố cấu thành tội: “Chứa mại dâm”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Đỗ Văn N và Đỗ Văn H phạm tội: "Chứa mại dâm" theo khoản 1 điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 91/VKS -HS Ny 08/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất của vụ án HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng.

[4]. Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm

phạm trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì hám lợi mà các bị cáo đã lợi dụng cả thân xác của người phụ nữ để kiếm tiền. Hành vi của các bị cáo là trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc ta và còn có khả năng gieo rắc bệnh tật nguy hiểm qua nhiều người, hành vi đó đang bị xã hội lên án mạnh mẽ. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dục phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5]. Vét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX thấy rằng: Đây không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo N giữ vai trò chính, bị cáo N là người trực tiếp ký hợp đồng thuê quán Cà fe Ven Đô để kinh doanh; Bị cáo N thuê bị cáo H trông coi quán, sắp xếp phòng cho nhân viên và khách mua bán dâm; Số tiền thu lợi bị cáo N quản lý, trả lương cho bị cáo H và chia cho nhân viên bán dâm. Do đó bị cáo N phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H.

Bị cáo H tham gia với vai trò là người thực hành. Bị cáo H trông coi quán, sắp xếp phòng cho nhân viên và khách mua bán dâm, thu tiền của khách mua dâm và giao lại cho bị cáo N, nhận tiền công do bị cáo N chi trả. Do đó bị cáo H phải chịu hình phạt thấp hơn bị cáo N.

[6]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo HĐXX thấy rằng: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, không có Tiền án, Tiền sự; Không có tình tiết tăng nặng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo N có ông nội là ông Đỗ Văn V là Liệt sĩ; Bị cáo H có thời gian phục vụ trong quân đội và có ông nội là ông Đỗ Văn L được Hội đồng Nhà Nước tặng Huân Chương kháng chiến hạng Nhì nên 2 bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về hình phạt: HĐXX xét thấy các Bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng và không còn nguy hiểm cho xã hội nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà căn cứ vào điều 65 BLHS giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật HĐXX cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo với mức từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ là phù hợp.

[8]. Xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm: 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su nhãn hiệu Vip đã qua sử dụng; 06 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa qua sử dụng đều là vật không có giá trị nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu huỷ. Đối với số tiền 700.000đ do bị cáo N giao nộp trong đó 600.000đ là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 100.000đ không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo N.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1; 5 điều 327; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự .

- Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Văn N và Đỗ Văn H phạm tội : "Chứa mại dâm"

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn N 26(Hai mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52(Năm mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt tiền bổ sung bị cáo Đỗ Văn N 15.000.000đ nộp ngân sách Nhà Nước.

Bị cáo Đỗ Văn H 20(Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40(Bốn mươi)tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt tiền bổ sung bị cáo Đỗ Văn H 10.000.000đ nộp ngân sách Nhà Nước.

Giao các bị cáo Đỗ Văn N và Đỗ Văn H cho UBND xã X, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b, c khoản 2 điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy gồm: 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su nhãn hiệu Vip đã qua sử dụng; 06 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa qua sử dụng;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 600.000đ

Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn N số tiền 100.000đ.

Toàn bộ số vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 12 Ny 11/11/2021 của chi cục THADS huyện T.

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 Ny 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Đỗ Văn N và Đỗ Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T; tỉnh T
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng